

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Biểu mẫu 05

Số: 17.K./TB-LVT

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện đúng theo Quyết định số 1184/QĐ – UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về Ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022 – 2023.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Lớp 1, 2, 3 thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Lớp 4,5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (Ban hành kèm theo Quyết định 16/2006/QĐ – BGD-ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện văn bản số 9832/BGD&ĐT-GDTH ngày 01/9/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 4,5. - Thực hiện dạy học theo các nội dung đã giảm tải theo công văn số 5842/BGD&ĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện giáo dục địa phương theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; - Thực hiện giảng dạy Hoạt động trải nghiệm theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; - Thực hiện dạy Tin học và tổ chức các hoạt động tin học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;				



		- Thực hiện giảng dạy Tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, 2 theo Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; - Thực hiện đánh giá học sinh theo thông tư: + Lớp 1, 2, 3 : Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh Tiểu học. + Lớp 4,5 thực hiện theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014. Thông tư 22/2016/TT -BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều giữa gia đình và nhà trường: Thông qua trao đổi trực tiếp, số liên lạc điện tử, điện thoại. - Định kì họp giao ban giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập. - HS thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ trường tiểu học và nội quy trường lớp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, tham gia các hoạt động truyền thống, hoạt động xã hội. - Tổ chức tốt các hoạt động NGLL, các HĐNK, GD truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh. Tăng cường đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, tạo sân chơi cho học sinh. - Tham quan các khu di tích lịch sử của địa phương và các tỉnh lân cận. - Tổ chức các hoạt động sinh hoạt năng khiếu qua các câu lạc bộ: Tiếng Anh, Tin học, bơi lội, võ thuật, nhịp điệu, bóng đá, Mỹ thuật... - Giáo dục cho HS ý thức về vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục ý thức lao động phù hợp lứa tuổi và các hoạt động xã hội khác.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phần đầu 100% HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh. - Tỷ lệ HS đạt về Năng lực: 100% - Tỷ lệ HS đạt về Phẩm chất: 100% - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, SK cho HS. HS bán trú được chăm sóc tốt, đảm bảo bữa ăn đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình giáo dục: 99,9% - Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học: 100% - Không có HS bỏ học 100%. - Đủ khả năng để học theo lớp trên hoặc cấp học trên.

Quận 7, ngày 01 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



Số: 179/TB-LVT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1384	207	238	321	330	288
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1384	207	238	321	330	288
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1384	207	238	321	330	288
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1353 (97.8%)	203 (98.1%)	232 (97.5%)	314 (97.8%)	320 (97%)	284 (98.6%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	30 (2.2%)	03 (11.1%)	06 (2.5%)	07 (2.2%)	10 (3%)	04 (1.4%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.07%)	01 (0.5%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1384	207	238	321	330	288
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1203 (86.93%)	183 (88.4%)	196 (82.4%)	285 (88.8%)	281 (85.2%)	258 (89.6%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	179 (12.93%)	23 (11.1%)	42 (17.6%)	35 (10.9%)	49 (14.8%)	30 (10.4%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.14%)	01 (0.5%)	00 (00%)	01 (0.3%)	00 (00%)	00 (00%)
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1384	207	238	321	330	288
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1382 (99.9%)	206 (99.5%)	238 (100%)	320 (99.7%)	330 (100%)	288 (100%)
a	Trong đó:	1109	183	196	230	250	250

	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	(80.1%)	(88.4%)	(82.4%)	(71.7%)	(75.8%)	(86.8%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00	00
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.1%)	01 (0.5%)	00 (00%)	01 (0.3%)	00 (00%)	00 (00%)

Quận 7, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học đầu năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	32/32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11.747	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.381	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	1.5m ² / học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	354	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	464	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	/	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	120	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	32	32/32
1.1	Khối lớp 1	6	6/6
1.2	Khối lớp 2	6	6/6



1.3	Khối lớp 3	6	6/6
1.4	Khối lớp 4	7	7/7
1.5	Khối lớp 5	7	7/7
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	-	
2.1	Khối lớp 1	-	
2.2	Khối lớp 2	-	
2.3	Khối lớp 3	-	
2.4	Khối lớp 4	-	
2.5	Khối lớp 5	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	84	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	232

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	/	10	/	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày 07 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59			50	5	1	3				40	5		
	Giáo viên	49			46	3			18	11	20	39	4		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	9			9				5		4	6	3		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	2			2				1	1		2			
5	Mỹ thuật	1				1				1					
6	Thể dục	1			1						1	2			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1		2		
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, Phục vụ	3						3							

Quận 7, ngày 05 tháng 09 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hà Phương Thanh

Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59			50	5	1	3				40	5		
I	Giáo viên	49			46	3			18	11	20	39	4		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	9			9				5		4	6	3		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	2			2				1	1		2			
5	Mỹ thuật	1				1				1					
6	Thể dục	1			1						1	2			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1		2		
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, Phục vụ	3						3							

Quận 7, ngày tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
LÊ VĂN TÁM
Nguyễn Hà Phương Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Biểu mẫu 05

Số: 445../TB-LVT

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện đúng theo Quyết định số 1184/QĐ – UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về Ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2022 – 2023.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Lớp 1, 2, 3 thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Lớp 4,5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (Ban hành kèm theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGD-ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện văn bản số 9832/BGD&ĐT-GDTH ngày 01/9/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 4,5. - Thực hiện dạy học theo các nội dung đã giảm tải theo công văn số 5842/BGD&ĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện giáo dục địa phương theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; - Thực hiện giảng dạy Hoạt động trải nghiệm theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; - Thực hiện dạy Tin học và tổ chức các hoạt động tin học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;				



		- Thực hiện giảng dạy Tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1, 2 theo Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; - Thực hiện đánh giá học sinh theo thông tư: + Lớp 1, 2, 3 : Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh Tiểu học. + Lớp 4,5 thực hiện theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014. Thông tư 22/2016/TT -BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều giữa gia đình và nhà trường: Thông qua trao đổi trực tiếp, số liên lạc điện tử, điện thoại. - Định kì họp giao ban giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập. - HS thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ trường tiểu học và nội quy trường lớp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, tham gia các hoạt động truyền thống, hoạt động xã hội. - Tổ chức tốt các hoạt động NGLL, các HĐNK, GD truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh. Tăng cường đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, tạo sân chơi cho học sinh. - Tham quan các khu di tích lịch sử của địa phương và các tỉnh lân cận. - Tổ chức các hoạt động sinh hoạt năng khiếu qua các câu lạc bộ: Tiếng Anh, Tin học, bơi lội, võ thuật, nhịp điệu, bóng đá, Mỹ thuật... - Giáo dục cho HS ý thức về vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục ý thức lao động phù hợp lứa tuổi và các hoạt động xã hội khác.

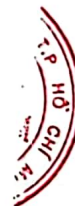
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phấn đấu 100% HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh. - Tỷ lệ HS đạt về Năng lực: 100% - Tỷ lệ HS đạt về Phẩm chất: 100% - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, SK cho HS. HS bán trú được chăm sóc tốt, đảm bảo bữa ăn đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình giáo dục: 99,9% - Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học: 100% - Không có HS bỏ học 100%. - Đủ khả năng để học theo lớp trên hoặc cấp học trên.

Quận 7, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Biểu mẫu 06

Số: ~~116~~/TB-LVT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1384	207	238	321	330	288
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1384	207	238	321	330	288
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1384	207	238	321	330	288
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1353 (97.8%)	203 (98.1%)	232 (97.5%)	314 (97.8%)	320 (97%)	284 (98.6%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	30 (2.2%)	03 (11.1%)	06 (2.5%)	07 (2.2%)	10 (3%)	04 (1.4%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0.07%)	01 (0.5%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1384	207	238	321	330	288
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1203 (86.93%)	183 (88.4%)	196 (82.4%)	285 (88.8%)	281 (85.2%)	258 (89.6%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	179 (12.93%)	23 (11.1%)	42 (17.6%)	35 (10.9%)	49 (14.8%)	30 (10.4%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.14%)	01 (0.5%)	00 (00%)	01 (0.3%)	00 (00%)	00 (00%)
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1384	207	238	321	330	288
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1382 (99.9%)	206 (99.5%)	238 (100%)	320 (99.7%)	330 (100%)	288 (100%)
a	Trong đó:	1109	183	196	230	250	250

	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	(80.1%)	(88.4%)	(82.4%)	(71.7%)	(75.8%)	(86.8%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00	00
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0.1%)	01 (0.5%)	00 (00%)	01 (0.3%)	00 (00%)	00 (00%)

Quận 7, ngày 14 tháng 7 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học đầu năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	32/32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11.747	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.381	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	1.5m ² / học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	354	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	464	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	/	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	120	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	31	31/31
1.1	Khối lớp 1	6	6/6
1.2	Khối lớp 2	6	6/6
1.3	Khối lớp 3	7	7/7
1.4	Khối lớp 4	7	7/7
1.5	Khối lớp 5	6	6/6



2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	-	
2.1	Khối lớp 1	-	
2.2	Khối lớp 2	-	
2.3	Khối lớp 3	-	
2.4	Khối lớp 4	-	
2.5	Khối lớp 5	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	84	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	232

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	/	10	/	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 7, ngày tháng năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



Số: 98.../TB-LVT

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện đúng theo Quyết định số 1537/QĐ – UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về Ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2023 – 2024.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Lớp 5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (Ban hành kèm theo Quyết định 16/2006/QĐ – BGD-ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện văn bản số 9832/BGD&ĐT-GDTH ngày 01/9/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình các môn học lớp 5. - Thực hiện dạy học theo các nội dung đã giảm tải theo công văn số 5842/BGD&ĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thực hiện giáo dục địa phương theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp Tiểu học; - Thực hiện giảng dạy Hoạt động trải nghiệm theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; - Thực hiện dạy Tin học và tổ chức các hoạt động tin học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học;				



		- Thực hiện giảng dạy Tiếng Anh tăng cường (Thực nghiệm Toán, Khoa) và Tiếng Anh tích hợp cho học sinh lớp 1, 2, 3 và Tiếng Anh tăng cường (Thực nghiệm Toán, Khoa) cho học sinh lớp 4, 5. - Thực hiện đánh giá học sinh theo thông tư: + Lớp 1, 2, 3, 4 : Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh Tiểu học. + Lớp 5 thực hiện theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014. Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định đánh giá học sinh tiểu học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều giữa gia đình và nhà trường: Thông qua trao đổi trực tiếp, số liên lạc điện tử, điện thoại. - Định kì họp giao ban giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. - Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập. - HS thực hiện tốt các nhiệm vụ học sinh theo Điều lệ trường tiểu học và nội quy trường lớp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, tham gia các hoạt động truyền thống, hoạt động xã hội. - Tổ chức tốt các hoạt động NGLL, các HĐNK, GD truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh. Tăng cường đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, tạo sân chơi cho học sinh. - Tham quan các khu di tích lịch sử của địa phương và các tỉnh lân cận. - Tổ chức các hoạt động sinh hoạt năng khiếu qua các câu lạc bộ: Tiếng Anh, Tin học, bơi lội, võ thuật, nhịp điệu, bóng đá, Mỹ thuật... - Giáo dục cho HS ý thức về vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục ý thức lao động phù hợp lứa tuổi và các hoạt động xã hội khác.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Phân đầu 100% HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học sinh. - Tỷ lệ HS đạt về Năng lực: 100% - Tỷ lệ HS đạt về Phẩm chất: 100% - Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, SK cho HS. HS bán trú được chăm sóc tốt, đảm bảo bữa ăn đủ dinh dưỡng, sinh hoạt đúng giờ giấc.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình giáo dục: 99,9% - Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học: 100% - Không có HS bỏ học 100%. - Đủ khả năng để học theo lớp trên hoặc cấp học trên.

Quận 7, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Số: 98/TB-LVT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1286	206	207	241	311	321
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1286	206	207	241	311	321
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1286	206	207	241	311	321
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1275 (99,1%)	205 (99,5%)	207 (100%)	236 (97,9%)	310 (99,7%)	317 (98,8%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0,9%)	01 (0,5%)	00 (00%)	05 (2,1%)	01 (0,3%)	04 (1,2%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1286	206	207	241	311	321
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1188 (92,4%)	201 (97,6%)	201 (97,1%)	191 (79,3%)	294 (94,5%)	301 (93,8%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	98 (7,6%)	05 (2,4%)	06 (2,9%)	50 (20,7%)	17 (5,5%)	20 (6,2%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1286	206	207	241	311	321
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1286 (100%)	206 (100%)	207 (100%)	241 (100%)	311 (100%)	321 (100%)
a	Trong đó:	1217	201	201	191	311	313

	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	(94,6%)	(97,6%)	(97,1%)	(79,3%)	(100%)	(97,5%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00	00
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)	00 (00%)

Quận 7, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học cuối năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	32/32	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	11.747	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.381	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60	1.5m ² / học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	354	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	464	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	60	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	/	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	120	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	32	32/32
1.1	Khối lớp 1	6	6/6
1.2	Khối lớp 2	6	6/6

1.3	Khối lớp 3	6	6/6
1.4	Khối lớp 4	7	7/7
1.5	Khối lớp 5	7	7/7
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	-	
2.1	Khối lớp 1	-	
2.2	Khối lớp 2	-	
2.3	Khối lớp 3	-	
2.4	Khối lớp 4	-	
2.5	Khối lớp 5	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	84	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	/
XI	Nhà ăn	232

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	/	10	/	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Hà Phương Thanh



Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60			51	5	1	4				45	4		
	Giáo viên	49			46	3				29	20	45	4		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	8			8					5	3	8			
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	2			2					2		1	1		
5	Mỹ thuật	1				1				1					
6	Thể dục	1			1						1	1	1		
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, Phục vụ	4						4							



ngày tháng năm 2023
 NGUYỄN HÀ PHƯƠNG THANH
 (Chữ ký)